

Số: 80/2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ
hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ có yếu tố
hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi
mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới
sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số
quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và
đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và
Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và
quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa
học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Xét Tờ trình số 962/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ
trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ có yếu tố hợp tác quốc
tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 132/BC-KTNS ngày 10 tháng
7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số nội
dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ
có yếu tố hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi
và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ có yếu tố
hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung



QUY ĐỊNH

Một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ có yếu tố hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ có yếu tố hợp tác quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Các nội dung hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn tỉnh hoạt động khoa học và công nghệ có yếu tố hợp tác quốc tế.
2. Các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động khoa học và công nghệ có yếu tố hợp tác quốc tế là các hoạt động khoa học và công nghệ có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài.
2. Nhóm nghiên cứu trọng điểm là nhóm nghiên cứu cơ bản hoặc nghiên cứu ứng dụng thuộc nhóm công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược theo danh mục được Thủ tướng phê duyệt.
3. Trường học khoa học chuyên đề là các khóa học ngắn hạn, trao đổi học thuật chuyên sâu nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học mới; có ban cố vấn chương trình khoa học gồm các nhà khoa học quốc tế tham gia báo cáo.

Điều 4. Hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế và trường học khoa học chuyên đề

1. Hỗ trợ giáo sư, nhà khoa học tham gia trình bày báo cáo khoa học, giảng dạy các trường học khoa học chuyên đề; thành viên ban tổ chức đến khảo sát đề chuẩn bị hội nghị, hội thảo:

a) Chi phí đi lại: Hỗ trợ chi phí một vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông đặc biệt (trừ các trường hợp là: Giáo sư, nhà khoa học đạt Nobel, Fields Medal và các giải thưởng khoa học quốc tế danh giá khác như Abel Prize, Turing Award, Breakthrough Prize, Wolf Prize, Dirac Prize, Kavli Prize hoặc các giải thưởng uy tín khác được hội đồng quốc tế công nhận được thanh toán hạng thương gia) và chi phí đi lại từ nơi ở tại Việt Nam đến sân bay và ngược lại.

b) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày: Áp dụng mức chi đối với khách mời quốc tế theo mức đoàn khách quốc tế khác quy định tại khoản 5 Điều 4 và điểm đ khoản 1 Điều 5 Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND.

2. Hỗ trợ cho học viên (nhà khoa học trẻ, giảng viên các trường đại học, nghiên cứu sinh, sinh viên xuất sắc) tham gia các trường học khoa học chuyên đề:

a) Chi phí đi lại: Hỗ trợ chi phí đi lại theo chứng từ thực tế nhưng không quá 1.500.000 đồng/học viên.

b) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày: Áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 4 và điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND.

3. Chi tổ chức hoạt động giới thiệu văn hóa, lịch sử, tiềm năng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của địa phương; mức chi theo thực tế phát sinh nhưng không quá 10.000.000 đồng/hội nghị, hội thảo.

4. Chi giải khát: Áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND.

5. Chi dịch nói: Áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND.

6. Chi khác: Hỗ trợ các chi phí hàng ngày phục vụ tổ chức sự kiện khoa học; chi phí bảo đảm phù hợp với số lượng người tham gia, tiết kiệm, hiệu quả; thanh toán theo thực tế phát sinh, tối đa không quá 10.000.000 đồng/ngày.

Điều 5. Hỗ trợ thu hút nhà khoa học và chuyên gia quốc tế đến nghiên cứu tại tỉnh

1. Chi thù lao cho các nhà khoa học tham gia các nhóm nghiên cứu trọng điểm (có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên), cụ thể:

a) Trưởng các nhóm nghiên cứu có trình độ Tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài và có kinh nghiệm nghiên cứu quốc tế: 55.000.000 đồng/tháng.

b) Nghiên cứu viên có trình độ Tiến sĩ: 40.000.000 đồng/tháng.

c) Nghiên cứu viên có trình độ Thạc sĩ: 20.000.000 đồng/tháng.

2. Hỗ trợ nghiên cứu sinh, học viên cao học (thực tập sinh) tham gia hoạt động của các nhóm nghiên cứu trọng điểm tại tỉnh:

a) Chi phí một vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông.

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí trong thời gian không quá 12 tháng. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/người/tháng.

3. Hỗ trợ chi phí mời nhà khoa học nước ngoài (trình độ Tiến sĩ) có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học quốc tế tham gia hợp tác nghiên cứu ngắn hạn tại các nhóm nghiên cứu trọng điểm tại tỉnh:

a) Chi phí một vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông đặc biệt (trừ các trường hợp là: Giáo sư, nhà khoa học đạt Nobel, Fields Medal và các giải thưởng khoa học quốc tế danh giá khác như Abel Prize, Turing Award, Breakthrough Prize, Wolf Prize, Dirac Prize, Kavli Prize hoặc các giải thưởng uy tín khác được hội đồng quốc tế công nhận được thanh toán hạng thương gia) và chi phí đi lại từ nơi ở tại Việt Nam đến sân bay và ngược lại.

b) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày: Áp dụng mức chi đối với khách mời quốc tế khác theo quy định tại khoản 5 Điều 4 và điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND trong thời gian tối đa 03 tháng.

4. Hỗ trợ chi phí tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội thảo khoa học quốc tế ở trong nước và nước ngoài. Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp đối với cùng một nhà khoa học không quá 01 lần/năm:

a) Một vé máy bay, phương tiện khác khứ hồi hạng phổ thông nội địa và từ Việt Nam đến nơi tổ chức hội nghị, hội thảo và chi phí đi lại từ nhà, nơi ở đến sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu và ngược lại: Thanh toán thực tế (theo chứng từ của đơn vị cung cấp dịch vụ).

b) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày, chi phí đi lại ở nước ngoài: Áp dụng quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC Quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

c) Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày, chi phí đi lại ở trong nước: Áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 4 và điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND.

d) Phí tham dự hội thảo khoa học quốc tế: Thanh toán thực tế (theo chứng từ của đơn vị tổ chức hội thảo).

5. Hỗ trợ phí tham gia thí nghiệm khoa học quốc tế để phục vụ cho các nội dung nghiên cứu của nhà khoa học thuộc các nhóm nghiên cứu trọng điểm tại tỉnh: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh theo thông báo thu phí do tổ chức quốc tế chủ trì thông báo.

6. Hỗ trợ chi phí quản lý 5% tổng kinh phí hỗ trợ nhưng không quá 125.000.000 đồng/năm.

Điều 6. Nguồn kinh phí, phương thức và nguyên tắc thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Phương thức thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị hỗ trợ nộp hồ sơ trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của tỉnh để xem xét, thẩm định về điều kiện hỗ trợ, dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị hỗ trợ tự chịu trách nhiệm toàn diện về: Tính chính xác của thông tin, chất lượng nội dung khoa học, việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả và chịu trách nhiệm hoàn trả đối với phần kinh phí sử dụng sai mục đích, sai đối tượng, không đủ điều kiện thanh toán, quyết toán, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Các mức chi quy định tại Nghị quyết này là mức tối đa để lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và thanh toán, quyết toán theo thực tế phát sinh hợp lý, hợp lệ; việc hỗ trợ phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung được phê duyệt, công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản mới có hiệu lực thi hành./.

